TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2024
"*V/v tranh chấp dân sự, vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bằng, ông Lê Thanh Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên toà*:* Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2023/TLST-DS ngày 27/10/2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-DS ngày 11/01/2024, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D, tổ A, ấp P, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số A, đường số B, KDC khóm H, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1990, nơi cư trú: Số 154, đường số 02, KDC khóm 8, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn*: Bà Bùi Kim H, sinh năm 1971, nơi cư trú: Tổ C, ấp V, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày tại phiên tòa:

Ông T và bà H là chỗ quen biết đã lâu nên ông T có cho bà H vay nhiều lần và bà H đã tất toán xong, do uy tín với nhau nên không có thế chấp tài sản. Ngày 15/02/2023 ông T tiếp tục cho bà H vay số tiền 240.000.000 đồng, để làm

vốn mua bán. Thời hạn là 05 tháng, với thỏa thuận ngày 30 hàng tháng bà H sẽ trả 10.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên từ lúc vay đến nay bà H không thực hiện trả tiền lãi theo thỏa thuận. Đến nay bà H không trả nợ cho ông T, đã nhiều lần yêu cầu nhưng không được.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả cho ông số tiền vốn vay 240.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Bùi Kim H trình bày: Bà bán rau củ ở Chợ đầu mối Hoàng M nên có quen với ông T. Năm 2021 bà không nhớ thời gian cụ thể, có vay vốn của ông T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1.500.000 đồng/ngày, không thỏa thuận thời hạn trả; không làm biên nhận nợ; không thế chấp tài sản. Quá trình thực hiện, bà đóng lãi được vài tháng và thì ngưng. Do làm ăn thất bại nên không có khả năng trả lại vốn cho ông T 200.000 đồng.

Ngày 15/02/2023, ông T yêu cầu bà trả số tiền vốn là lãi từ trước đến nay tổng cộng là 240.000.000 đồng, bà có ký tên vào biên nhận nhưng không tự tay viết biên nhận.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu trả số tiền 240.000.000 đồng thì bà đồng ý nhưng do làm ăn khó khăn xên xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà xin vắng mặt trong các buổi làm việc, khi xét xử.

Tòa án ban hành Thông báo yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình về việc có trả lãi nhưng bị đơn không cung cấp được.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền 240.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán xác định thẩm quyền; thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ đúng theo quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về giải quyết vụ án: Căn cứ biên nhận nợ ngày 15/02/2023, ông T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền vay 240.000.000 đồng được bị đơn thừa nhận nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Về phương thức trả nợ, bị đơn có yêu cầu trả mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ xem xét.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả lãi và được Tòa án thụ lý giải quyết. Nay bị đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về trả lãi vay nên đề nghị Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo khoản 2 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Từ phân tích trên, căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 240.000.000 đồng; bị đơn bà H có nơi cư trú tại thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

[2] Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, và Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn 240.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn tự nguyên rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bị đơn trả lãi. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 đình chỉ yêu cầu trả lãi đối với bị đơn.

Về nội dung:

[4] Về yêu cầu trả vốn:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 240.000.000 đồng được bị đơn thừa nhận. Xét nguyên đơn, bị đơn xác lập giao dịch dân sự trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bị đơn không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 240.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về phương thức trả nợ: Bà H xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở xem xét. Do đó phương thức trả nợ sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 6.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 12.000.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

Buộc bà Bùi Kim H trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 240.000.000 (hai trăm, bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn đối với bị đơn.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho ông T số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng theo biên lai thu số 0003644 ngày 27/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Bị đơn bà Bùi Kim H phải chịu án phí số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, đại diện nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn là 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương